

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 07 - 2019

“V/v Ly hôn, nuôi con chung và
cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thùy L – Sinh năm: 1982 – Nơi ĐKKHKT: K204/5 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Trương Xuân T – Sinh năm: 1981 – Nơi ĐKKHKT: Số 266 đường H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên lạc: Lô B chung cư N. 590 C phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/2/2019, bản khai và trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thùy L trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T có đăng ký kết hôn vào ngày 26/03/2009 tại Ủy ban Nhân dân phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà L và ông T chung sống tại số 266 H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng cho đến năm 2016.

Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm của hai vợ chồng không hợp nhau trong mọi vấn đề về nuôi con, về tài chính, về công việc và vợ chồng không khắc phục được. Vợ chồng bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T đã ly thân hơn hai năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay bà Lê Thùy L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thùy L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lê Thùy L ly hôn với ông Trương Xuân T.

** Về con chung:* Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T có một con chung tên là Trương Bảo Song T – Sinh ngày: 04/02/2012. Ly hôn bà Lê Thùy L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến tuổi thành niên và yêu cầu ông Trương Xuân T cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000đ/tháng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án cho đến khi con đủ 18 tuổi.

** Về tài sản chung:* Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Trong bản khai ngày 14/6/2019 bị đơn ông Trương Xuân T trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trương Xuân T thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thùy L về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn.

Nay bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông thì ông thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã phát sinh từ lâu nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, về nuôi dạy con cái về tài chính và công việc làm của mỗi người. Mâu thuẫn của vợ chồng khó hàn gắn được nên ông thống nhất thuận tình ly hôn với bà L

** Về quan hệ con chung:* Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T có một con chung tên là Trương Bảo Song T – Sinh ngày: 04/02/2012. Ly hôn ông Trương Xuân T thống nhất cho bà Lê Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thanh niên và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000đ/tháng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án cho đến khi con đủ 18 tuổi.

** Về tài sản chung:* Ông Trương Xuân T Và bà Lê Thùy L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* Ông Trương Xuân T Và bà Lê Thùy L không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trương Xuân T, nhưng ông T có đơn xin vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự.

Ông Trương Xuân T và bà Lê Thùy L đều có đơn đề nghị chọn Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thùy L về việc ly hôn đối với ông Trương Xuân T. Đồng thời ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T

Đơn của ông T về việc chọn Tòa án giải quyết và xin xét xử vắng mặt có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường 11, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh ngày 04 tháng 06 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trương Xuân T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 266 đường H, tổ 12, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng theo sổ hộ khẩu số 150112256 chủ hộ là ông Trương Xuân T, chỗ ở hiện tại Lô B chung cư N. 590 C , phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Ông Trương Xuân T có đơn chọn Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thùy L về việc ly hôn đối với ông.

Ông Trương Xuân T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

Đơn của ông T về việc chọn Tòa án giải quyết và xin xét xử vắng mặt có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường 11, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh ngày 04 tháng 06 năm 2019.

Mặt khác bà Lê Thùy L cũng có đơn chọn Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn đối với ông Trương Xuân T.

Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Xuân T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung

Tại phiên tòa, bà Lê Thùy L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vÒ viÖc ly h«n ®èi vi ông Trương Xuân T HĐXX thấy:

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T có đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2009 tại Ủy ban Nhân dân phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn ông bà sống tại nhà số 266 đường Hoàng Diệu, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng đến năm 1026.

Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, về nuôi dạy con cái và cả công việc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đem lại kết quả, bà L và ông T sống ly thân hơn hai năm nay, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm. Bà L và ông T đều không muốn níu kéo hạnh phúc, không muốn khắc phục những trở ngại về công việc để cùng nhau xây dựng gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần mở phiên hòa giải nhằm tạo cơ hội cho các bên đương được đoàn tụ với nhau nhưng ông T đều có đơn xin vắng mặt, chứng tỏ ông T cũng không tha thiết muốn hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân cùng với bà L. Bà L và ông T không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía ông T có văn bản thống nhất thỏa thuận tình ly hôn theo đơn khởi kiện ly hôn của bà Lê Thùy L.

Qua xác minh tại địa phương thì quá trình chung sống không thấy bà L và ông T có cãi vã gì làm ảnh hưởng đến địa phương, nên mâu thuẫn giữa bà L và ông T chính quyền địa phương không nắm được.

Do vậy HĐXX thấy cần công nhận việc thỏa thuận tình ly hôn của bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. *Quan hệ con chung*: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T có Trương Bảo Song T – Sinh ngày: 04/02/2012.

Xét yêu cầu của bà Lê Thùy L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì thấy hiện nay con chung đang sống cùng với bà L, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung, nhằm để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đồng thời ông T cũng thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Do vậy, HĐXX thấy cần công nhận thỏa thuận về việc nuôi con chung của bà L và ông T là giao con chung tên Trương Bảo Song T – Sinh ngày: 04/02/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, và ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000đ là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình

* *Về tài sản chung*: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung*: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Theo Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thùy L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng ông Trương Xuân T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 55, Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận việc thuận tình ly hôn của bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T.

- *Về quan hệ con chung*: Xử công nhận việc thỏa thuận nuôi con chung của bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T là giao con chung tên Trương Bảo Song T – Sinh ngày: 04/02/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, và ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000đ

* *Về tài sản chung*: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung*: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn của bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T.

2. Xử: Về quan hệ con chung: Công nhận việc thỏa thuận nuôi con chung của bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T như sau giao con chung tên Trương Bảo

Song T – Sinh ngày: 04/02/2012 cho bà Lê Thùy Linh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, và ông Trương Xuân T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Thời gian thực hiện kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thùy L và ông Trương Xuân T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thùy L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0006850 ngày 25/2/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Án phí cấp dưỡng ông Trương Xuân T phải chịu là 300.000đ.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường N
Quận H, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án

Lê Thị Thu Ba